

HỘI THOẠI TRONG TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU

NGUYỄN THỊ THANH THỦY*

TÓM TẮT

Hội thoại trong Truyện Kiều thực tế chưa được nghiên cứu một cách thấu đáo để nhìn thấy được rõ hơn tính cách nhân vật và tài năng của Nguyễn Du. Kết quả của quá trình nghiên cứu các cuộc thoại tiêu biểu trong số 73 cuộc thoại dưới ánh sáng của ngữ dụng học cho chúng ta thấy cái nhìn đa chiều, sâu sắc hơn về nhân vật và tác giả của Truyện Kiều.

Từ khóa: hội thoại, Truyện Kiều, ngữ dụng.

ABSTRACT

Conversation in Nguyen Du's Tale of Kieu

Conversation in Tale of Kieu has not been studied thoroughly to know more clearly about characters' personalities and Nguyen Du's talents. The results investigating typical conversations among 73 ones in the light of pragmatics show us more profound and multidimensional insights of characters and of the author of Tale of Kieu.

Keywords: conversation, Tale of Kieu, pragmatics.

1. Đặt vấn đề

Truyện Kiều của Nguyễn Du đã được tìm hiểu, nghiên cứu ở nhiều phương diện, từ thời điểm sáng tác, tựa đề... cho đến ngôn ngữ, hình tượng nhân vật... Nhưng chúng ta đã thực sự hiểu hết những điều tinh túy trong Truyện Kiều chưa? Ví dụ như Thúy Vân có phải là người con gái dịu dàng, hiền lành và cam chịu như trước nay mọi người vẫn nghĩ hay không? Trong buổi đoàn viên, Vân bảo chị hãy còn kịp se duyên cùng chàng Kim:

Quả mai ba bảy đương vừa, Đào non sớm liễu xe tơ kịp thì. Không biết Vân vô tình hay hữu ý

khi đưa ra phát ngôn trên. Nhưng rõ ràng, nàng đã đe dọa thể diện âm tính của Thúy Kiều. Vì đối với xã hội phong kiến, ở vào

lứa tuổi của Kiều thì người ta ngại không nói đến chuyện lập gia đình. Vậy mà Vân còn cho rằng chị hãy “đương vừa” để lập thành gia thất. Từ đó, ta thấy Thúy Vân “người” hơn. Chúng ta chỉ có thể hiểu được điều đó dưới góc độ hội thoại. Hướng nghiên cứu áp dụng những kiến thức ngữ dụng vào những tác phẩm văn chương là một hướng đi mới, một cách tiếp cận mới. Chúng tôi muốn tìm hiểu Truyện Kiều dưới góc độ này để thấy hội thoại được vận dụng trong tác phẩm văn chương như thế nào.

2. Truyện Kiều dưới góc nhìn hội

thoại

Trong phần này, ngoài phần giới thuyết về lí thuyết hội thoại, chúng tôi sẽ đi sâu tìm hiểu sự thể hiện của một số quy tắc hội thoại chủ yếu ở một số đoạn

* HVCH, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

thoại tiêu biểu trong truyện Kiều của Nguyễn Du. **2.1. Giới thuyết về lí thuyết hội thoại**

Hội thoại có thể được hiểu là việc sử dụng ngôn ngữ vào giao tiếp. Có rất nhiều vấn đề liên quan đến lí thuyết hội thoại, nhưng trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến các quy tắc hội thoại chủ yếu, là “những quy tắc làm cơ sở, đứng đằng sau sự vận hành của hội thoại” [2, tr.226]. Đó là:

Quy tắc điều hành luân phiên lượt lời. Quy tắc này quy định trong một cuộc thoại bình thường thì mỗi lần chỉ có một người nói, trật tự (nói trước, nói sau) của những người nói không cố định mà luôn thay đổi. Thông thường lượt lời của đối tác này chuyển tiếp cho đối tác kia diễn ra không bị ngắt quãng quá dài, cũng không bị giẫm đạp lên nhau.

Quy tắc điều hành nội dung của hội thoại. Quy tắc này chủ yếu thể hiện sự cộng tác trong hội thoại. Nguyên tắc cộng tác gồm có bốn phương châm là phương châm về lượng (cung cấp lượng tin đúng như đòi hỏi, đừng làm cho lượng tin lớn hơn đòi hỏi), phương châm về chất (nói những điều mình tin rằng đúng và có bằng chứng xác thực), phương châm quan hệ (nói những điều có liên quan với ngữ cảnh), phương châm cách thức (không nói tối nghĩa, mập mờ mà cần nói ngắn gọn và có trật tự)

Quy tắc chi phối quan hệ liên cá nhân - phép lịch sự. Quan hệ liên cá nhân là quan hệ giữa các vai giao tiếp. Phép lịch sự là bày tỏ sự nhận thức được những nhu cầu thể diện về hình-ảnh-ta trước công chúng của một con người. Thể diện là một hình-ảnh-ta trước công chúng của một con người. Nó bao gồm thể diện dương tính và thể diện âm tính.

Thể diện dương tính là sự cần thiết được giao kết, được thuộc vào cùng một nhóm người nào đó. Nhu cầu được độc lập, không bị áp đặt bởi người khác là thể diện âm tính. Nhu cầu thể diện là những điều mong đợi của con người giúp cho cái hình-ảnh-ta trước công chúng của họ sẽ được tôn trọng. Phát ngôn hay hành động tiềm tàng sự đe dọa cái hình-ảnh-ta trước công chúng của một con người là hành động đe dọa thể diện (Face Threatening Acts - FTA).

2.2. Quy tắc điều hành luân phiên lượt lời trong màn báo ơn, báo oán

Đa thoại trong màn báo ơn báo oán có rất nhiều người (12 người) nhưng tham thoại thì chỉ có ba người (Thúy Kiều, Hoạn Thư và Giác Duyên). Trong đó, Kiều là nhân vật có thời gian tham thoại nhiều nhất, có đến 8 lượt lời. Hoạn Thư và Giác Duyên mỗi người chỉ có một lượt lời và thời gian tham thoại cũng không nhiều. Vì sao một người phụ nữ biết điều hơn lẽ thiệt như Kiều lại giành lấy lãnh địa hội thoại nhiều như vậy? Vì sao các nhân vật khác không có tham thoại nào? Qua đó, tác giả muốn gửi đến cho độc giả thông điệp gì về nhân vật, về quan niệm và tư tưởng của mình?

Trong đa thoại này, Kiều đóng vai chủ tọa. Cho nên xét trên trục quyền uy thì nàng có vị thế giao tiếp cao, còn xét quan hệ giữa các nhân vật trên trục khoảng cách thì tất cả đã biết nhau. Nhưng mức độ xa lạ hay thân tình với Thúy Kiều thì phải xét xem họ đến đây để được báo ơn hay bị báo thù.

Khi Kiều đối thoại với Thúc Sinh, lượt lời của nàng dài. Kiều rất biết ơn

Thúc Sinh đã đưa nàng ra khỏi chốn nhơ bẩn - lầu xanh của mẹ Tú Bà - và cho nàng một danh phận, dù là phận vợ lẽ. Trong tham thoại với Thúc Sinh, Kiều tỏ lòng biết ơn Thúc Sinh đã một thời tình nghĩa mặn nồng và tặng cho chàng “gám trăm cuốn, bạc nghìn cân”. Những lời nói đầy nghĩa tình của Kiều trong giao tiếp với Thúc Sinh càng khẳng định rằng Kiều là một người biết lễ nghĩa.

Nhưng Thúc Sinh không có tham thoại hồi đáp trước những lời cảm tạ của Kiều. Từ đây, độc giả nhận thấy Thúc là một người nhút nhát đến mức không thể nói được gì khi nhận được lời cảm ơn. Không chỉ dừng lại ở đó, tính cách nhút nhát đến mức bạc nhược của Thúc Sinh càng được khẳng định sau lời đe dọa Hoạn Thư của Kiều:

*Vợ chàng quý quá, tình ma,
Phen này kẻ cắp, bà già gặp nhau.
Kiến bò miệng chén chưa lâu,
Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho*

vừa

Khi Kiều nói về Hoạn Thư với những hành động ngôn ngữ mang tính chất đe dọa thể diện và sinh mạng của vợ mình thì chàng Thúc vẫn lặng im. Thúc Sinh là người nhu nhược. Nhưng nhu nhược đến mức trước cảnh sống chết của vợ mình mà chàng cũng im lặng thì tưởng không còn có gì có thể cứu vãn nổi cho tính cách của chàng Thúc nữa. Từ những lẽ đó, người đọc có thể thấy “Nguyễn Du đã miêu tả rất đúng tâm trạng của Thúc Sinh: mừng cho Kiều, lo cho Hoạn, nhưng chủ yếu là mừng cho mình được thoát nạn và run rẩy không nói ra lời trước cảnh gươm đao sáng ồng”

[9, 97]. Điều này càng làm tôn thêm vai trò của lí thuyết hội thoại trong cách nhìn và phân tích một tác phẩm văn chương. Qua đó, thiên tài của Nguyễn Du càng được khẳng định và ngợi ca.

Thúy Kiều chẳng phải là người không “lịch sự” và không biết cách giao tiếp. Nhưng vì sao Nguyễn Du lại để cho nàng có nhiều tham thoại trong màn báo ơn báo oán này? Thiết nghĩ, việc này cũng bộc lộ nhiều ý nghĩa của nó.

Xét cuộc thoại trong tiệc mừng Thúc Sinh trở về của Hoạn Thư, trong cuộc thoại này chỉ Hoạn Thư tham thoại. Ngoài việc giữa Thúy Kiều và Hoạn Thư ở hai vị thế giao tiếp khác nhau: chủ - tớ, thì người đọc cũng có thể thấy được nỗi lòng đau đớn, phải ngậm đắng nuốt cay khi Kiều không nói lời nào trong cuộc thoại này. Bao nhiêu tủi nhục khi bị Hoạn Thư hành hạ, Kiều có muốn thốt ra lời cũng không được, vì Hoạn Thư ở vị thế giao tiếp cao, luôn hăm dọa và chửi mắng nàng. Và lại, việc Kiều không có tham thoại nào trong những cuộc thoại khi bị mắng chửi, hành hạ sẽ khiến cho chúng ta hình dung ra những thế lực đen tối chỉ biết đàn áp, ức hiếp phận hồng nhan, thân cô thế cô như Kiều. Kiều chỉ biết nín lặng hoặc nói ít trong những cuộc thoại như thế là vì những lẽ trên. Còn trong cuộc thoại báo ân báo oán thì khi Kiều vừa dứt lời, Hoạn Thư đã ngay lập tức lựa điều kêu ca. Thế nhưng, trong cuộc thoại này, Kiều dù đang ở vị thế giao tiếp cao nhưng nàng không mắng chửi Hoạn Thư một cách sỗ sàng mà thậm chí còn tha bổng cho nàng ta. Như vậy, qua xây dựng cuộc thoại và sự tham thoại của các nhân

vật, Nguyễn Du phải chăng muốn tố cáo bản chất của những con người xấu xa, tàn độc, dựa vào vị thế giao tiếp cao (nhờ quyền lực, tiền bạc,...) ức hiếp người lương thiện, tài hoa như Kiều.

Nguyễn Du vĩ đại là vì ông đã chú ý đến cả những chi tiết nhỏ như thế.

Như chúng ta đã biết, trong phiên tòa báo ân báo oán, Kiều luôn giữ vai nói, nàng chủ động khi đối thoại với tất cả mọi người. Chưa một ai dám lên tiếng. Nhưng khi tham thoại của Kiều với Hoạn Thư chấm dứt thì Hoạn Thư đã lên tiếng “lựa điều kêu ca”. Lướt lời của Hoạn Thư bộc lộ tính cách gian - ngoan rất đáo đê của nàng ta. Với Hoạn Thư thì việc phải “khẩu đầu dưới trướng” vẫn không khiến cho nàng mất bình tĩnh.

Trong những kẻ có tội đến phiên tòa này để bị báo oán thì chỉ có một mình Hoạn Thư là tên tội phạm dám lên tiếng. Thông qua việc này, ngoài việc người đọc đã một lần nữa chứng kiến sự sắc sảo, thông minh của Hoạn Thư thì còn có thể thấy được bản chất, tính cách và phẩm chất của những tên tội phạm còn lại. Tú Bà, Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Bạc Bà, Bạc Hạnh trước đây đã từng mắng chửi, dọa nạt Thúy Kiều bằng những lời lẽ “đao to búa lớn”. Việc Nguyễn Du không để cho họ có tham thoại phải chăng cũng thể hiện ước mơ về lẽ phải công lí của nhân dân ta? Họ là những kẻ xấu xa, là cặn bã của xã hội đáng phải xử tội chết thì sẽ chạy tội bằng cách nào đây? Thiết nghĩ, việc Nguyễn Du để cho họ không có tham thoại trong cuộc thoại này là vì những lẽ như thế.

Trước cảnh máu đổ đầu rơi không một ai dám lên tiếng vì hồn kinh phách rời, chỉ một mình Giác Duyên nói. Tham thoại của Giác Duyên với Kiều chính là lời tiên tri cho khoảng thời gian còn lại trong biến cố 15 năm lưu lạc của Thúy Kiều. Và qua lướt lời của Giác Duyên, người đọc cũng thấy cả tư tưởng Phật giáo của nhân dân ta, đó là duyên số, là nhân quả trong cõi nhân sinh này:

Mới hay tiền định chẳng làm,

Đã tin điều trước, ắt nhằm việc sau.

Còn nhiều ân ái với nhau,

Cơ duyên nào đã hết đâu, vội gì?

Giác Duyên là một người tu hành, mà người của nhà Phật thì đầu mùng gì chuyện được trả ơn sau khi đã ra tay giúp đỡ một ai đó. Hơn nữa, lướt lời của vãi Giác Duyên chính là thể hiện của thuyết nhân quả. Sau cùng, tham thoại của Giác Duyên còn là lời tiên tri cho năm năm còn lại trong cuộc đời lưu lạc của Kiều. Nhìn chung, chỉ với hai cặp câu lục bát khi tham thoại, vãi Giác Duyên đã cho người đọc thấy rõ tính cách, những nghĩ suy của mình. Đó là một người điềm đạm, sâu sắc và nhân hậu.

Như vậy, qua việc khảo sát quy tắc điều hành luân phiên lướt lời trong cuộc thoại báo ân báo oán ta thấy được ước mơ công lí của Nguyễn Du (Kiều là chủ tọa phiên tòa và có quyền quyết định cuộc giao tiếp với tham thoại dài hơn những nhân vật khác), bộc lộ rõ hơn bản chất, tính cách của các nhân vật (Kiều thì ân oán phân minh, Hoạn Thư khôn ngoan sắc sảo, Thúc Sinh hèn nhát, ích kỉ, vãi Giác Duyên hiền lành, bộn buồn thịn bán người thì đê hèn, xấu xa,...). Qua đó, tài

năng của Nguyễn Du càng được khẳng định.

2.3. Quy tắc điều hành nội dung hội thoại trong Truyện Kiều

2.3.1. Nguyên tắc cộng tác trong các cuộc thoại của Truyện Kiều

Chúng ta hãy xem lại lượt lời của Hoạn Thư trong phiên tòa báo ân báo oán. Rõ ràng lượt lời của Hoạn Thư còn dài hơn lượt lời đe dọa mà Kiều đã thực hiện với nàng. Những thông tin mà Hoạn Thư cung cấp không phải là Kiều không biết:

Thứ nhất: “Tôi chút dạ đàn bà; ghen tuông thì cũng người ta thường tình”. Hoạn Thư đã đưa ra một lí lẽ thật hiển nhiên, thật bình thường trong cuộc sống: đã là đàn bà thì phải ghen. Ca dao xưa từng có câu: “Ốt nào là ớt chẳng cay; Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng”. “Có lẽ không chỉ tôi mà cả cô cũng phải biết chứ!”.

Thứ hai: “Nghĩ cho khi các viết kinh”. Hoạn Thư đã nhắc lại việc đã giúp đỡ Kiều. Khi xưa Kiều là thân phận nô tì, đáng lí ra Kiều phải hầu hạ làm đúng bổn phận của mình nhưng Hoạn Thư đã cho Kiều ra Quan Âm các tu hành, chẳng phải nhàn hạ hơn hay sao? “Và tôi, phần thiệt hại đã về tôi đấy chứ!”.

Thứ ba: “Vớی khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo”. “Cô bỏ đi lấy theo chuông vàng khánh bạc, tôi cũng chẳng đuổi theo. Đây là tôi đã thương tình và ngầm giúp đỡ cô rồi!”.

Thứ tư: “Lòng riêng riêng cũng kính yêu” Hoạn Thư đã khéo léo nhắc lại rằng nàng cũng kính yêu và trân trọng tài năng của Kiều: “Giá này dầu đúc nhà

vàng cũng nên” và “Nghìn vàng cũng thật nên mua lấy tài”.

Thứ năm: “Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai”. Kiều cũng là vợ lẽ Thúc Sinh, tức là cũng từng sống trong cảnh chồng chung. Dĩ nhiên, Kiều cũng phải hiểu tâm lí và những nghĩ suy của người chịu cảnh chồng chung: không thể chia sẻ tình yêu thương được.

Đó là những lẽ thường, Kiều không thể không biết. Vậy mà Hoạn Thư vẫn nói lại. Như vậy, phải chăng Hoạn Thư đã vi phạm phương châm về lượng (cung cấp một lượng thông tin lớn hơn đòi hỏi của Kiều)? Như đã nói, bất kì sự vi phạm phương châm nào cũng tạo ra hàm ngôn. Hoạn Thư đã khéo léo đưa cuộc thoại đến đích mà nàng đã định sẵn: biện minh để chạy tội. Và sự vi phạm phương châm về lượng của Hoạn Thư đã đạt được kết quả (hay nói khác đi là Hoạn Thư đã đạt đích giao tiếp mà mình đặt ra) khiến Kiều băn khoăn “Tha ra thì cũng may đời; Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen” và quyết định tha bổng cho Hoạn Thư: “Truyền quân xuống lệnh tướng tiền tha ngay”.

Trong một thoại trường đặc biệt, có tính chất trang nghiêm với “nghiêm quân, tuyền tướng”, với “gươm lớn, giáo dài”, Hoạn Thư vẫn là Hoạn Thư. Nàng không hề đánh mất bản lĩnh của mình. Mặc dù lúc này Hoạn Thư và Thúy Kiều ở hai vị thế giao tiếp cao - thấp khác nhau nhưng Hoạn Thư vẫn tham thoại. Thậm chí nàng còn khéo léo (cố tình) vi phạm phương châm về lượng trong tham thoại của mình để chạy tội. Chỉ bấy nhiêu thôi ta cũng đủ thấy Hoạn Thư là một người phụ nữ thật đáo để. Dù trong bất kì hoàn cảnh giao

tiếp nào cũng vẫn giữ được bản lĩnh của mình. Thế nên, chàng Thúc mới phải “ra người bó tay”.

Không phải bất kì một sự vi phạm phương châm về lượng nào cũng cho thấy nhân vật hội thoại không biết cách giao tiếp. Như Thúy Kiều và Hoạn Thư chẳng hạn, hai người có phải là những người tâm thường, hời hợt đâu? Cả hai đều rất ý tứ, rất sâu sắc khi phạm phương châm về lượng.

2.3.2. Lí thuyết quan yếu trong một số cuộc thoại của Truyện Kiều

2.3.2.1. Lí thuyết quan yếu trong đoạn báo ơn báo oán

Mặc dù tham thoại của Hoạn Thư trong phiên tòa báo ân báo oán đã được khảo sát ở nhiều bình diện nhưng người viết nhận thấy vẫn còn có thể khảo sát tham thoại này ở một số phương diện của lí thuyết quan yếu: quan yếu về hứng thú (phát ngôn được xem là quan yếu khi những thông tin mà nó cung cấp có một hứng thú, gây được một sự quan tâm nào đó với người nghe), quan yếu về ngữ dụng (phát ngôn quan yếu về ngữ dụng khi nó có những hệ quả đối với hành động, cách xử sự của những người tham gia hội thoại), quan yếu về lập luận (phát ngôn có thể làm cơ sở để người nghe rút ra được những suy ý làm thay đổi hiểu biết tín điều của mình, hoặc để dẫn tới một lập luận nào đó cho dù phát ngôn có lượng tin hay không).

Rằng: “Tôi chút dạ đàn bà,

*Ghen tuông thì cũng người ta
thường tình !*

Nghĩ cho khi các viết kinh,

*Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng
theo.*

*Lòng riêng, riêng cũng kính yêu,
Chông chung chưa dễ ai chiều cho ai.*

Trót lòng gây việc chông gai,

*Còn nhờ lượng bể thương bài nào
chẳng?”*

Phát ngôn của Hoạn Thư quan yếu về ngữ dụng bởi nó tạo ra hệ quả đối với hành động xử sự của Kiều. Kiều đã phải “truyền quân xuống lệnh trưởng tiền tha ngay” sau khi Hoạn Thư tham thoại. Như vậy, phát ngôn của Hoạn Thư đã tạo ra hệ quả đối với cách xử sự của Kiều. Từ việc dự định trừng phạt Hoạn Thư, Kiều đã quyết định tha bổng nàng tiểu thư họ Hoạn.

Phát ngôn của Hoạn Thư cũng quan yếu cả về lập luận, bởi phát ngôn của Hoạn Thư đã đưa ra 6 luận cứ:

Thứ nhất, “Sự ghen tuông cũng là những lẽ thường của phận đàn bà. Cả tôi và cô đều là đàn bà nên dĩ nhiên cô cũng sẽ hiểu cho nỗi lòng của tôi chứ!”.

Thứ hai, “Tôi đã cho cô ra các viết kinh. Nghĩa là tôi đã nhận phần thiệt hại về mình. Cô là người hầu nhưng tôi không để cho cô làm việc nhà, cô không phải hầu hạ phục vụ tôi mà còn được tự do tu hành, tụng kinh niệm Phật. Như vậy là tôi đã giúp cho cô rất nhiều rồi”.

Thứ ba, “Tôi đã không đuổi theo cô khi cô “dứt tình” ra khỏi cửa với chuông vàng khánh bạc. Rõ ràng, tôi vừa mất của, vừa mất người nhưng tôi vẫn không xót của mà bắt cô ở lại tiếp tục làm thân phận tôi đòi”.

Thứ tư, “Tôi cũng biết tài năng của cô và rất trân trọng tài năng của cô. Như

vậy, tôi cũng xứng đáng là tri âm tri kỉ của cô rồi”.

Thứ năm, “Cô cũng đã từng chịu cảnh chồng chung. Dĩ nhiên là cô cũng phải hiểu cho tâm trạng của tôi chứ”.

Thứ sáu, “Tôi đã trót gây ra việc chông gai, nay tôi đã ăn năn, hối hận về những việc đã gây ra” (khi Hoạn Thư nói “trót” nghĩa là đã hàm ý diễn tả thái độ hối hận của mình).

Vì Hoạn Thư hiểu Kiều cho nên cô đã nêu ra những luận cứ quan trọng để hỗ trợ cho lập luận của mình, mặc dù chúng ta biết rằng Hoạn Thư để cho Kiều ra Quan Âm các viết kinh là nhằm mục đích cách li Thúc Sinh và Thúy Kiều. Và khi Kiều ra đi thì Hoạn Thư rõ ràng chẳng cần phải nơm nớp lo sợ Thúc Sinh và Thúy Kiều lại đến với nhau thì tội gì mà Hoạn Thư lại đuổi theo bắt về. Như vậy, những việc làm đó trước tiên là có lợi ích thiết thân cho Hoạn Thư trước đây chứ! Nhưng Hoạn Thư vẫn khéo léo sử dụng nó như một trong những luận cứ chắc chắn nhất cho lập luận của mình. Để từ đó, Kiều đã phải bán khoán là nên tha hay không tha cho Hoạn Thư. Việc Kiều đem Hoạn Thư là tên tội phạm phải tra xét trước thì ta hiểu Kiều muốn xử tội Hoạn Thư. Nhưng sau khi tham thoại của Hoạn Thư chấm dứt, Kiều đã phải bán khoán suy xét lại. Như vậy, tham thoại của Hoạn Thư đã quan yếu về lập luận vì làm cho Thúy Kiều thay đổi dự tính ban đầu của mình. Bởi vì, nếu không tha cho Hoạn Thư thì Kiều sẽ là người nhỏ nhen (mà mọi người sẽ dễ dàng nhận thấy). Còn nếu tha cho Hoạn Thư thì chỉ sẽ trái với dự tính trừng phạt Hoạn của Kiều mà

thôi (mà điều này thì chỉ có mình Kiều biết).

Phát ngôn của Hoạn Thư không chỉ quan yếu về ngữ dụng, quan yếu về lập luận mà còn quan yếu về cả hứng thú nữa. Rõ ràng, Kiều đã rất quan tâm tới những thông tin này nên nàng đã cân nhắc: “Tha ra thì cũng may đời; Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen”.

Chỉ với một phát ngôn mà Hoạn Thư đã thực hiện được nhiều sự quan yếu đến thế. Như vậy, độc giả sẽ càng thấy rõ hơn tính cách đáo đả, sâu sắc của Hoạn Thư. Một người có thể vận dụng cùng một lúc và linh hoạt nhiều quy tắc hội thoại thì sẽ dễ dàng thành công trong giao tiếp. Và Hoạn Thư là một người như thế. *2.3.2.2. Lí thuyết quan yếu trong đoạn Kiều khuyên Từ Hải*

Có thể nói lời khuyên Từ Hải ra hàng của Kiều cũng là một phát ngôn có tính quan yếu cao.

Thoại trường của cuộc thoại mở ra khi Kiều và Từ Hải đều bán khoán, trần trở về tương lai. Từ Hải đã từng nghĩ đến cảnh về với triều đình:

*Bó thân về với triều đình
Hàng thần lơ láo, phận mình ra
đâu?*

*Áo xiêm ràng buộc lấy nhau, Vào
luôn ra cúi công hầu mà chi? Và
quyết định “Sao bằng riêng một
biên thù”.* Còn Thúy Kiều:

*Nghĩ mình mất nước cánh bèo;
Đã nhiều lưu lạc, lại nhiều gian
trâu.*

*Bằng nay chịu tiếng vương thân,
Thênh thênh đường cái thanh vân
hẹp gì?*

Chính vì hai người có hai đích giao tiếp khác nhau như thế nên phát ngôn của Thúy Kiều phải quan yếu về nhiều phương diện cùng một lúc để đạt được đích giao tiếp do mình đặt ra.

Phát ngôn của Kiều có tính quan yếu về ngữ dụng khi nó có hệ quả đối với hành động, cách xử sự của Từ Hải “Thế công Từ mới trở ra thế hàng”.

Phát ngôn của Thúy Kiều có nhiều lí lẽ để phục vụ cho lập luận của nàng :

Thứ nhất, “Ân đức của nhà vua cao như trời biển. Nhà vua luôn chăm lo cho dân cho nước. Như vậy, nhà vua cũng đáng để cho chàng kính nể lắm chứ!”

Thứ hai, “Từ ngày chàng dựng cờ khởi nghĩa, mở riêng một cõi biên thù thì làm sao tránh khỏi đầu rơi máu chảy. Và lại, từ xưa đến nay nào có ai khen những tướng giặc dựng cờ khởi nghĩa chống lại triều đình đâu”.

Thứ ba, “Nếu chàng về với triều đình thì chẳng những tài năng của chàng được trọng dụng mà thiếp cũng được hưởng phú quý cùng chàng. Đó là một tương lai ổn định và chắc chắn đấy chứ”.

Kiều đã đưa ra 3 luận cứ để phục vụ cho lập luận của mình. Chính những luận cứ mà Kiều đưa ra là cơ sở để cho Từ Hải dẫn đo suy nghĩ và cuối cùng đi đến quyết định: “Thế công Từ mới trở ra thế hàng”.

Phát ngôn này của Kiều cũng quan yếu về hứng thú. Nói thế bởi vì nó tạo được sự quan tâm đối với người nghe là Từ Hải. Tuy không có tham thoại trong cuộc thoại này nhưng Từ vẫn tích cực tham gia vào cuộc thoại đấy chứ! Bằng chứng là Nguyễn Du đã để cho Từ Hải có

nhận xét về tham thoại của Kiều: “Nghe lời nàng nói mặn mà”.

Tóm lại, phát ngôn Thúy Kiều khuyên Từ Hải ra hàng rất phù hợp với ngữ cảnh, nghĩa là có tính quan yếu cao. Nguyễn Du đã dày công xây dựng và tạo ra một hình tượng mang tính lí tưởng cao cả, đẹp đẽ nhất trong xã hội phong kiến. Nhưng xã hội phong kiến vào thời kì mục nát ấy không thể dung chứa một tính cách đẹp đẽ, lớn lao như Từ. Bên cạnh đó, do thế giới quan và thời đại, Nguyễn Du không thể đi xa hơn. Để khuyên được anh hùng Từ Hải thì nhất định đó phải là một người khéo léo. Quả vậy, việc làm cho phát ngôn của mình phù hợp với ngữ cảnh, đánh vào đúng tâm lí của Từ Hải và có sức thuyết phục cao, Kiều xứng đáng để được ngợi khen là một người phụ nữ khôn ngoan, sắc sảo.

2.4. Quy tắc chi phối quan hệ liên cá nhân – phép lịch sự của các cuộc thoại trong Truyện Kiều

2.4.1. Quy tắc lịch sự của R. Lakoff và Leech trong Truyện Kiều

R. Lakoff nêu ra ba quy tắc lịch sự. Trong đó, quy tắc thứ nhất (quy tắc lịch sự quy thức) và quy tắc thứ ba (quy tắc khuyến khích tình cảm bạn bè) là hai quy tắc bị phạm nhiều và được thể hiện rõ qua các cuộc thoại của Truyện Kiều.

Quy tắc lịch sự quy thức quy định người có vị thế giao tiếp cao không được áp đặt đối với người có vị thế giao tiếp thấp bằng các hành động ngôn ngữ. Nhưng Tú Bà, Hoạn bà, Hoạn Thư, Sở Khanh... luôn mắng chửi và áp đặt Kiều.

Mụ Tú Bà bỏ tiền ra mua Kiều về. Mụ biết và xác định trên trục quyền uy

mình có vị thế giao tiếp cao và Kiều chỉ là một món hàng nên có vị thế giao tiếp thấp. Khi mắng chửi Kiều là mục đã không tôn trọng thể diện của người có vị thế giao tiếp thấp hơn mình. Do vậy, mục đã đẩy khoảng cách của mục và Thúy Kiều về cực xa lạ qua đoạn thoại này. Tương tự Tú Bà còn phải kể đến Sở Khanh, Hoạn bà với sự vi phạm trắng trợn quy tắc này khi đe dọa và mắng chửi Kiều (xem các cuộc thoại từ câu 1170 đến câu 1184 và cuộc thoại từ câu 1728 đến câu 1736). Do quy tắc thứ nhất bị vi phạm nên quy tắc thứ ba (quy tắc khuyến khích tình cảm bạn bè) sẽ không còn nữa. Chính bọn chúng đã đẩy một cô gái ngây thơ như Kiều đến sự cô đơn, bơ vơ tột đỉnh. Cả một bọn người vô tâm, độc ác.

Hoạn Thư cũng đã không tuân thủ những quy tắc này. Cuộc thoại trong tiệc mừng Thúc Sinh trở về giữa Hoạn Thư và Thúc Sinh đã thể hiện rõ điều đó. Hoạn Thư đã khéo léo sắp đặt cho Thúy Kiều và Thúc Sinh gặp nhau trong một hoàn cảnh dở khóc dở cười: “Làm ra con ở chúa nhà đôi nơi!”. Từ đây trở đi, cả ba người (Thúy Kiều, Hoạn Thư, Thúc Sinh) đã biết nhau tận tường. Đó là xét về quan hệ bên trong, còn quan hệ bên ngoài thì Hoạn Thư vờ như chưa biết Kiều và Thúc Sinh đan díu với nhau, Thúc Sinh làm ra vẻ không biết Kiều, còn Kiều cũng làm như không quen Thúc. Đau đớn nhất cho Kiều là phải gặp lại Thúc lang trong thân phận một Hoa nô. Thoại trường là bữa tiệc giữa hai vợ chồng được Hoạn Thư khéo léo sắp đặt. Trong cuộc thoại chỉ có ba lượt lời của Hoạn Thư. Khi mới bước vào bữa tiệc, Thúc Sinh chỉ có một lượt

lời duy nhất để che đậy cho sự ngỡ ngàng khi gặp Kiều. Riêng Thúy Kiều thì không có tham thoại. Các hành động ngôn ngữ của Hoạn Thư là dọa nạt, thét mắng Thúy Kiều bằng các ngôn từ thô lỗ, suồng sã như: “Con Hoa”, “ăn đòn”, “ngươi”, “ta”,... Hoạn Thư hô gọi bằng “con” và xưng “ta” một cách sỗ sàng ngạo mạn. Hoạn Thư thực hiện mệnh lệnh bằng các hành động ngôn ngữ rất tinh táo, minh mẫn. Ngược lại, các hành động phi ngôn ngữ của Hoạn Thư: “Cười nói tỉnh say”, “chưa xong cuộc rượu lại bày trò chơi” lại cố tình làm cho mọi người lầm tưởng là nàng đang lẩn lộn tỉnh say, không thể bắt bẻ nàng được. Do vậy, Hoạn Thư cay nghiệt, độc ác, khác người là ở chỗ đó.

2.4.2. Chiến lược lịch sự trong Truyện Kiều

Chúng ta hãy lắng nghe cuộc thoại giữa Kim Trọng và Thúy Kiều trong vườn Thúy. Trước khi về nhà lấy “Xuyên vàng đôi chiếc, khăn là một vuông” thì Kim Trọng đã dùng chiến lược lịch sự âm tính để Kiều chấp nhận ở lại và nghe những lời bày tỏ nỗi lòng của chàng Kim:

Dùng chân gạn chút niềm tây gọi là

...

Khi Kim Trọng ngỏ lời nhờ (đề nghị) Kiều “dùng chân” lại có nghĩa là chàng đã đe dọa vào thể diện âm tính (nhu cầu được độc lập, không muốn bị can thiệp, mong muốn được hành động tự do theo cách mình đã lựa chọn) của Thúy Kiều. Nhưng Kim Trọng đã khéo léo dùng lối nói giảm nhẹ hiệu lực FTA (Face Threatening Acts - hành động đe dọa thể diện) của hành động ở lời đối với Thúy Kiều. Đó là Kim Trọng đã sử dụng

biện pháp dụ hóa với cách giảm thiểu hiệu quả xấu bằng từ “chút”, “gọi là”.

Như vậy, bằng cách khảo sát cách thực hiện chiến lược lịch sự âm tính của Kim Trọng, người đọc sẽ càng thấy rõ hơn tính cách của người mà Nguyễn Du đã từng giới thiệu: “Vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa”.

Cách bày tỏ lỗi nói trắng rằng mình mang ơn đối tác hoặc nói trắng rằng đối tác không phải chịu ơn mình vì sự giúp đỡ của mình cũng là một biểu hiện của chiến lược lịch sự âm tính. Kiều đã tạ ơn Từ Hải sau khi chàng đã lập phiên tòa báo ân báo oán để cho nàng thỏa được nỗi lòng phải đeo mang bảy lâu. Cuộc thoại giữa Từ Hải và Thúy Kiều từ câu 2421 đến câu 2436 cho ta thấy rõ chiến lược lịch sự mà Kiều và Từ Hải đã vận dụng.

Kiều bày tỏ một cách chân thành, thẳng thắn rằng Kiều biết ơn Từ Hải. Vì chàng đã giúp Kiều giải tỏa được nỗi lòng của mình. Lời bày tỏ của Kiều đã hướng vào thể diện âm tính của Từ Hải. Lời cảm ơn của Kiều đã bù đắp, giảm nhẹ hiệu lực của FTA mà nàng đã thực hiện đối với Từ Hải. Đó là việc nhờ Từ Hải mà nàng đã cất được nỗi lòng canh cánh bảy lâu nay. Còn Từ Hải, một người anh hùng “dầu thấy bất bằng mà tha” thì xem việc đó như là một lẽ thường, không cần phải tạ ơn. Từ việc khảo sát chiến lược lịch sự âm tính của Kiều và Từ Hải, người đọc có thể thấy rõ hơn tính cách của cả hai người. Thúy Kiều vẫn là một người phụ nữ nề nếp, có lễ nghĩa. Qua cuộc thoại này, ta thấy Từ Hải không chỉ là anh hùng biết “động lòng bốn phương”

mà chàng còn biết quan tâm đến những sự việc nhân nghĩa, bình dị trong đời thường. Từ đó, độc giả cảm nhận hình tượng Từ Hải mà Nguyễn Du xây dựng gần gũi hơn, sống động hơn, và sức sống của hình tượng nhân vật Từ Hải trong lòng độc giả vững bền hơn. Vì thế, người ta không xem Từ Hải là một “tướng giặc” với đúng nghĩa của từ này. Qua hội thoại, rõ ràng người đọc sẽ nhận thấy, khám phá những nét đẹp trong tính cách của nhân vật một cách sâu hơn, đúng đắn hơn và toàn diện hơn.

Nói về chiến lược lịch sự trong giao tiếp của các nhân vật trong Truyện Kiều thì hình như Hoạn Thư là một người khôn ngoan, khéo léo nhất. Trong màn báo ơn báo oán, Hoạn Thư đã sử dụng chiến lược lịch sự trong tham thoại của mình khi đối thoại với Thúy Kiều. Hoạn Thư đã tự đe dọa thể diện dương tính và cả thể diện âm tính của mình. Tự nhận mình là một người ích kỉ (Tôi chút dạ đàn bà) và thú nhận mình đã hành động sai lầm (Trót lòng gây việc chông gai), Hoạn Thư đã tự ăn năn, hối hận, khơi gợi một sự liên thông giữa Kiều và mình trong đối thoại. Bên cạnh đó, Hoạn Thư còn khéo léo tôn vinh thể diện dương tính của Thúy Kiều bằng cách tạo lập sự thân tình, rút ngắn khoảng cách giữa hai người để đi đến sự thành công trong giao tiếp:

*Trót lòng gây việc chông gai,
Còn nhờ lượng bể thương bài nào
chăng?*

Hoạn Thư đã nói quá sự tán dương, thiện cảm của mình đối với đối tác bằng lối hô gọi tôn vinh thể diện Thúy Kiều “lượng bể”. Hoạn Thư cũng nói lên sự

thiện cảm của mình đối với Thúy Kiều qua tham thoại:

Lòng riêng riêng cũng kính yêu

Hoạn Thư rõ ràng rất hiểu tâm lí của Thúy Kiều. Hơn nữa, trong giao tiếp, Hoạn Thư đã khéo léo tránh sự bất đồng giữa hai người để chạy tội bằng cách sử dụng hàng loạt chiến lược giao tiếp. Từ đó, bản lĩnh và tính cách của Hoạn Thư ngày càng được khẳng định. Độc giả từ bao đời nay đều nể sợ một tính cách có một không hai như Hoạn Thư.

3. Kết luận

Các cuộc thoại trong Truyện Kiều đã được nhìn dưới một góc độ mới – góc độ hội thoại, đặc biệt là các quy tắc hội thoại. Những quy tắc hội thoại đã được làm rõ trong một số cuộc thoại quan trọng của Truyện Kiều. Từ đó, người viết rút ra được rất nhiều ý nghĩa. Đầu tiên, thái độ, trình độ văn hóa, cách cư xử của các nhân vật được bộc lộ rõ hơn. Do vậy, cái nhìn về nhân vật được sâu sắc hơn, đa

diện hơn, nhiều chiều hơn. Các nhân vật sẽ gần gũi hơn và sinh động hơn qua hội thoại, qua lời ăn tiếng nói của mình, vì giao tiếp cũng là một cách bộc lộ mình. Điều thứ hai, ta có thể thấy rõ ràng tư tưởng, quan niệm của Nguyễn Du, vì Nguyễn Du chính là người có quyền quyết định để cho nhân vật nào phát ngôn, nói như thế nào, nói cái gì... trong một cuộc thoại cụ thể. Như vậy, qua nghiên cứu, tìm hiểu, khảo sát các quy tắc hội thoại trong Truyện Kiều, cái nhìn về nhân vật, về tác giả được đặt dưới một góc độ khác. Từ góc độ đó, tư tưởng tác giả, tính cách, nhân phẩm của nhân vật được nhìn nhận một cách toàn diện hơn. Do vậy, sức sống của nhân vật, cũng như Truyện Kiều và Nguyễn Du lâu bền hơn trong lòng độc giả. Đề tài này cũng là một hướng ứng dụng Ngôn ngữ học để tìm hiểu, làm rõ một tác phẩm văn chương cụ thể.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (1989), *Từ điển Truyện Kiều*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học, tập 2 “Ngữ dụng học”*, Nxb Giáo dục.
3. Nguyễn Đức Dân (2001), *Ngữ dụng học, tập 1*, tái bản lần 2, Nxb Giáo dục.
4. Trịnh Bá Đĩnh (tuyển chọn, giới thiệu) (2002), *Nguyễn Du về tác gia và tác phẩm*, tái bản lần 3, Nxb Giáo dục.
5. Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim (2002), *Truyện Kiều - Nguyễn Du*, Nxb Đà Nẵng.
6. Đặng Thanh Lê (2002), *Giảng văn Truyện Kiều*, tái bản lần 5, Nxb Giáo dục.
7. Phạm Đan Quế (2002), *Về những thủ pháp nghệ thuật trong văn chương Truyện Kiều*, Nxb Giáo dục.
8. Vũ Tiên Quỳnh (1995), *Nguyễn Du*, tái bản lần 1, Nxb Văn nghệ TP Hồ Chí Minh.
9. Trần Đình Sử (2002), *Thi pháp Truyện Kiều*, Nxb Giáo dục.
10. Lê Thu Yên (chủ biên) (2001), *Văn học trung đại Việt Nam - những công trình nghiên cứu*, Nxb Giáo dục.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 31-8-2011; ngày chấp nhận đăng: 12-9-2011)